

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21- 6 - 2022

V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi
con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Tấn P

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn T

2. Ông Nguyễn Văn N

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Hồ Quế T - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện LH,
tỉnh VL.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LH tham gia phiên toà:* Không tham
gia

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2022/TLST-HNGĐ
ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1985 (xin vắng mặt); Địa chỉ:
ấp LH 2, xã LM, huyện MT, tỉnh VL.

2. Bị đơn: Anh Phan Quốc Minh T, sinh năm 1984 (vắng mặt); Địa chỉ: ấp LT
A, xã LP, huyện LH, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ T trình bày: Năm 2005 chị T và anh Phan Quốc Minh T quen nhau rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 15/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện LH, tỉnh VL. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cự cãi và anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị T đã về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2017 đến nay. Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Phan Quốc Minh T.

- Về con chung: có 01 con chung Phan Trung V, sinh ngày 26/01/2006. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Quốc Minh T vắng mặt, dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và cũng không gửi bản khai ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Huỳnh Thị Mỹ T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL giải quyết việc hôn nhân của chị và anh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến dự nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện chị Huỳnh Thị Mỹ T và anh Phan Quốc Minh T tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện LH, tỉnh VL là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của chị T ly hôn với anh T, Tòa án xét thấy: giữa chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T có người phụ nữ khác. Dẫn đến tình cảm giữa hai vợ chồng ngày xa cách không thể hàn gắn lại được với nhau. Hai người đã không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có bản khai ý kiến cũng như tham dự phiên hòa giải. Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 01 con chung Phan Trung V, sinh ngày 26/4/2006. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đồng thời không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của chị T, Tòa án xét thấy: cháu V hiện nay đang sống chung với chị T và anh T không có ý kiến gửi Tòa án cũng như tham dự phiên hòa giải. Ý kiến cháu V là khi cha mẹ ly hôn sống chung với chị T. Căn cứ yêu cầu nguyên đơn nên Tòa án chấp nhận giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Mỹ Tiên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Mỹ T được ly hôn với anh Phan Quốc Minh T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phan Trung V, sinh ngày 29/01/2006 cho chị Huỳnh Thị Mỹ T được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đồng thời anh Phan Quốc Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Phan Quốc Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003777 ngày 01/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh VL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu.

Huỳnh Tấn Phong